



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo Ban điều hành	4
4. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	7 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 53



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 122/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- ▶ Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- ▶ Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản; mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

Vốn điều lệ của Công ty: 7.605.658.020.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 2222.9999.

Fax : (84-24) 2222.1999.

Mã số thuế : 0102806367.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Mạnh Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2024
Ông Mai Danh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Long Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2023
Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Danh Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2023
Ông Đào Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015
Bà Tôn Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023
Ông Nguyễn Xuân Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2025
Ông Tống Nhật Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo là Ông Mai Danh Hiền – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- ▶ Thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


Ông Mai Danh Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Số: 2.0472/25/TC - AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") được lập ngày 21 tháng 07 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa-niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo Kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm của tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa hai bản, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
A -	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	6.949	4.360
II	Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')	V.2	14.465	497.213
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.3	10.566.876	4.891.725
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	V.3.1	10.566.876	4.891.725
IV	Chứng khoán kinh doanh	V.4	539.620	714.205
1.	Chứng khoán kinh doanh		539.638	714.205
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(18)	-
V	Cho vay khách hàng		52.110.053	46.306.649
1.	Cho vay khách hàng	V.5	52.777.867	46.802.982
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(667.814)	(496.333)
VI	Chứng khoán đầu tư	V.7	1.928.299	1.902.188
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		2.120.129	2.082.175
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(191.830)	(179.987)
VII	Góp vốn, đầu tư dài hạn		1.778.747	1.826.477
1.	Đầu tư dài hạn khác	V.8	1.831.987	1.881.987
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(53.240)	(55.510)
VIII	Tài sản cố định		60.228	65.309
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.9	22.867	23.642
a.	Nguyên giá		106.115	107.534
b.	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.248)	(83.892)
2.	Tài sản cố định vô hình	V.10	37.361	41.667
a.	Nguyên giá		99.044	99.074
b.	Giá trị hao mòn lũy kế		(61.683)	(57.407)
IX	Tài sản có khác	V.11	2.550.520	3.390.435
1.	Các khoản phải thu	V.11.1	1.406.210	1.958.713
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	V.11.2	1.140.925	1.422.608
3.	Tài sản Có khác	V.11.3	63.659	70.538
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.11.4	(60.274)	(61.424)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		69.555.757	59.598.561

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.12	11.544.210	11.734.293
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		5.463.000	3.870.200
2.	Vay các TCTD khác		6.081.210	7.864.093
II.	Tiền gửi của khách hàng	V.13	13.310.721	10.210.723
III.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.14	122.340	164.717
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.15	7.659.776	8.587.674
V.	Phát hành giấy tờ có giá	V.16	26.275.000	18.556.000
VI.	Các khoản nợ khác		1.179.335	1.337.966
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.17	906.336	1.036.166
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.18	272.999	301.800
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		60.091.382	50.591.373
VII.	Vốn và các quỹ	V.20	9.464.375	9.007.188
1.	Vốn của Công ty		7.958.548	7.958.548
	Vốn điều lệ		7.605.658	7.605.658
	Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
	Thặng dư vốn cổ phần		350.562	350.562
2.	Quỹ của Công ty	V.20.2	564.263	480.140
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		941.564	568.500
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.464.375	9.007.188
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		69.555.757	59.598.561

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
1.	Cam kết giao dịch hối đoái	18.526.361	21.125.874
	Cam kết mua ngoại tệ	913.575	662.017
	Cam kết bán ngoại tệ	888.300	641.290
	Cam kết giao dịch hoán đổi	16.724.486	19.822.567
2.	Bảo lãnh khác IX.3	32.093	34.330
3.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được IX.4	376.927	288.070
4.	Nợ khó đòi đã xử lý IX.5	2.869.311	2.837.771
5.	Tài sản và chứng từ khác IX.6	4.727.054	4.058.200

Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Tuấn Đạt

Tống Nhật Linh



Mai Danh Hiền

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	2.510.680	2.176.816
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.2	(1.698.838)	(1.416.095)
I	Thu nhập lãi thuần		811.842	760.721
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		33.305	53.474
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.067)	(8.572)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	24.238	44.902
III	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.4	(15.915)	(26.942)
IV	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.5	10.776	7.219
V	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.6	142.217	(14.387)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		16.638	35.879
6	Chi phí hoạt động khác		(1.369)	(318)
VI	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	VI.8	15.169	35.561
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	18.830	5.577
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.007.157	812.651
VIII	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	VI.9	(117.860)	(6.765)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		889.297	805.886
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.10	(291.173)	(495.199)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		598.124	310.687
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.19	(115.700)	(61.674)
XII	Chi phí thuế TNDN		(115.700)	(61.674)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		482.424	249.013
XIV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		606	338

Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trương Tuấn Đạt

Tống Nhật Linh

Mai Danh Hiền

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.791.437	2.449.602
02	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(1.828.668)	(1.658.047)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	25.164	46.207
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	148.939	(8.383)
05	Thu nhập/(Lỗ) khác	2.473	3.089
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	12.636	32.472
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(125.893)	(99.048)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(142.643)	(76.211)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	883.445	689.681
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	(5.392.342)	(5.786.628)
09	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	136.613	(1.152.598)
10	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	77.483
11	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng	(5.974.885)	(4.415.187)
12	Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(119.692)	(594.761)
13	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động	565.622	298.435
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	9.640.261	1.398.432
14	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(190.083)	(1.596.962)
15	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	3.099.998	1.173.574
16	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	7.719.000	1.869.000
17	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Công ty chịu rủi ro	(927.898)	(43.237)
18	Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(42.377)	-
19	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động	(12.969)	825
20	Chi từ các quỹ của Công ty	(5.410)	(4.768)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.131.364	(3.698.515)

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(4.791)	(2.002)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	60	-
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(877.687)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	50.000	-
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	18.830	5.577
	II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	64.099	(459.571)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(471)	(801)
	III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(471)	(801)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	5.194.992	(4.573.428)
V	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.393.298	11.262.878
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	(7.482)
VII	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	10.588.290	6.681.968

Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Tuấn Đạt

Tống Nhật Linh

Mai Danh Hiền

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 122/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- ▶ Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- ▶ Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản, mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 7.605.658.020.000 đồng

Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 14, 15 và 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có một (01) Hội sở chính và ba (03) chi nhánh tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 278 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 289 người).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng đầu năm của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến việc nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về tuân thủ

Ban Điều hành Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng") và được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

3. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến các thay đổi trong tương lai liên quan đến các số liệu dự phòng này.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 cửa Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các TCTD khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") và Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội và trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Theo Thông tư 31, Công ty không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới hoặc bằng một (01) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một (01) năm đến năm (05) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm (05) năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và được trình bày ở Thuyết minh số V.5 và V.6.

5. Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng

Công ty áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc phân loại nợ sẽ được tham khảo đến một số yếu tố định tính (nếu có). Cụ thể, Công ty phân loại nợ vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau khi đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ từ khách hàng như gọi điện thoại, gửi tin nhắn bằng văn bản, gửi thư nhắc nhở và đến nơi cư trú của khách hàng:

- ▶ Khách hàng có khó khăn về tài chính như thất nghiệp hoặc các biến cố không mong muốn (tai nạn cá nhân hoặc bệnh tật,...) dẫn đến việc chậm thanh toán;
- ▶ Khách hàng không thể liên lạc được;
- ▶ Khách hàng đã bán nhà hoặc bỏ trốn sau khi giải ngân khoản vay;
- ▶ Khách hàng đã mất hoặc đang ngồi tù, người thân của khách hàng không trả nợ thay;
- ▶ Khả năng trả nợ của khách hàng liên tục suy giảm sau khi Công ty đánh giá lại.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 31. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc (c) Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (c) Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5,	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất.	20%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
		9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.		
4	Nợ nghi ngờ	(a) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (d) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31;	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; (d) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31; (e) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
	Thông tư 31 chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (f) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (h) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; (i) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; (j) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.		

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 30 tháng 06 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 06. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Ngoài ra, Công ty trích lập dự phòng cụ thể đối với Khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 (nếu có) như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31: (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 31 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 31: (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Theo Nghị định 86, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 30 tháng 06 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 06 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng; các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu; chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Nghị định 86, Công ty thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

6. Hoạt động bán nợ

Theo Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các khoản nợ đã bán được xử lý tài chính, hạch toán kế toán như sau:

a. Đối với khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng:

- ▶ Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;
- ▶ Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, Công ty ghi nhận vào thu nhập;
- ▶ Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Công ty sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, Công ty thực hiện như sau:
 - Đối với số nợ gốc không thu được: Công ty sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong năm. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, Công ty thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;
 - Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Công ty thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Công ty thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

b. Đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng:

Công ty thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) vào thu nhập.

c. Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng:

Số tiền bán nợ được ghi nhận vào thu nhập của Công ty.

7. Các khoản đầu tư

7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số V.7*.

7.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Công ty mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Công ty có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số I V.7*.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48").

8. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

9. Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

10. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 25 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn thuê tài sản.

12. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Theo đó, các tài sản có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được với các Tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước đang được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

14. Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

15. Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng hoán đổi, chênh lệch giữa giá trị theo đồng Việt Nam của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản "*Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác*" nếu dương hoặc khoản mục công nợ "*Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác*" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối*" theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

16. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

17. Vốn và các quỹ dự trữ

Vốn điều lệ của Công ty được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Công ty liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

<i>Loại quỹ</i>	<i>Trích lập hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>	<i>Mục đích sử dụng</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi xử lý bằng dự phòng đã trích lập trước đó

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

18. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới bao gồm chi phí cho đại lý, các bên thứ ba và môi giới cho vay được hạch toán phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mà khoản vay tồn tại trên nội bảng tính theo các nhóm sản phẩm.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu và chi phí khác

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Công ty hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Công ty sẽ hạch toán vào "*Thu nhập từ hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Công ty, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính (xem *Thuyết minh số VII.9.3*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Công ty được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

21. Lợi ích của nhân viên

21.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

21.2. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

21.3. Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

22. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Công ty dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị : Triệu VND

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền mặt bằng VND	6.681	4.112
Tiền mặt bằng ngoại tệ	268	248
Cộng	6.949	4.360

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi thanh toán bằng VND	14.439	497.188
Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ	26	25
Cộng	14.465	497.213

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Công ty phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1,00% tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và 0,00%/năm đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND.

Trong kỳ, Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

3. Tiền gửi các TCTD khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	10.566.876	4.891.725

3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi không kỳ hạn	803.875	1.199.962
- Bằng VND	655.300	1.037.115
- Bằng ngoại tệ	148.575	162.847
Tiền gửi có kỳ hạn	9.763.001	3.691.763
- Bằng VND	7.919.900	1.903.550
- Bằng ngoại tệ	1.843.101	1.788.213
Cộng	10.566.876	4.891.725

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3.2 Chất lượng dư nợ tiền gửi các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) các TCTD khác như sau

Nhóm nợ	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.763.001	3.691.763

4 Chứng khoán kinh doanh

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
<i>Chứng khoán nợ</i>	230.280	408.523
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – đã niêm yết	180.280	408.523
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	50.000	-
<i>Chứng khoán kinh doanh khác</i>	309.358	305.682
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	309.358	305.682
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	(18)	-
Cộng	539.620	714.205

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	539.638	714.205

5 Cho vay khách hàng

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	49.570.160	43.541.425
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.207.707	3.261.557
Cộng	52.777.867	46.802.982

Số dư cho vay khách hàng theo loại tiền tệ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Cho vay bằng VND	49.602.856	43.586.167
Cho vay bằng ngoại tệ	3.175.011	3.216.815
Cộng	52.777.867	46.802.982

5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	51.210.407	45.616.957
Nợ cần chú ý	1.195.389	818.091
Nợ dưới tiêu chuẩn	103.323	82.278
Nợ nghi ngờ	78.667	223.381
Nợ có khả năng mất vốn	190.081	62.275
Cộng	52.777.867	46.802.982

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ ngắn hạn	23.370.031	21.017.008
Nợ trung hạn	21.431.572	18.708.460
Nợ dài hạn	7.976.264	7.077.514
Cộng	52.777.867	46.802.982

5.3 Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	3.136.131	3.174.027
Công ty TNHH khác	29.045.138	24.690.721
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	153.593	158.985
Công ty cổ phần khác	18.076.916	16.187.103
Hộ kinh doanh, cá nhân	2.366.089	2.592.146
Cộng	52.777.867	46.802.982

5.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	10.719	9.795
Khai khoáng	236.206	316.206
Công nghiệp chế biến, chế tạo	334.390	603.086
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	10.611.862	7.288.809
Xây dựng	9.011.732	5.726.800
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12.363.899	12.083.275
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.591.221	2.103.961
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.851.250	4.832.418
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.400.398	3.512.607
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4.661.491	3.555.873
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	216.870	139.150
Hoạt động dịch vụ khác	2.174.932	2.115.237
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	2.346.245	2.591.584
Ngành khác	1.966.652	1.924.181
Cộng	52.777.867	46.802.982

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Công ty thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dự nợ gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được sử dụng cho việc phân loại nợ và trích lập dự phòng này. Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2025	350.556	145.777	496.333
Trích lập dự phòng trong kỳ	43.852	247.321	291.173
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(119.692)	(119.692)
Số dư tại 30/06/2025	394.408	273.406	667.814
Số dư tại 01/01/2024	250.190	210.421	460.611
Trích lập dự phòng trong kỳ	34.241	460.958	495.199
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(594.761)	(594.761)
Số dư tại 30/06/2024	284.431	76.618	361.049

7 Chứng khoán đầu tư

7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
<i>Chứng khoán nợ</i>	1.362.120	419.801
Trái phiếu Chính phủ	248.618	105.875
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	113.502	313.926
Chứng chỉ tiền gửi của các TCTD khác trong nước	1.000.000	-
<i>Chứng khoán vốn</i>	758.009	1.662.374
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	758.009	1.662.374
Cộng	2.120.129	2.082.175
Dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(191.830)	(179.987)
Dự phòng rủi ro giảm giá	(191.830)	(179.987)
Tổng cộng	1.928.299	1.902.188

7.2 Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư

	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	179.987	-	-	179.987
Trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	11.843	-	-	11.843
Số dư tại 30/06/2025	191.830	-	-	191.830
Số dư tại 01/01/2024	104.524	120	-	104.644
Trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	25.847	(120)	-	25.727
Số dư tại 30/06/2024	130.371	-	-	130.371

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7.3 Phân loại chất lượng chứng khoán nợ của TCTD và TCKT được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo Thông tư 31

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.010	249.424

8 Đầu tư dài hạn khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.831.987	1.881.987
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(53.240)	(55.510)
Cộng	1.778.747	1.826.477
Biến động số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:		
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	55.510	8.586
Số dự phòng trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	(2.270)	39.401
Số dư cuối kỳ	53.240	47.987

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số tại 01/01/2025	8.280	50.687	23.749	22.968	1.850	107.534
Mua trong kỳ		44	3.795	512	106	4.457
Thanh lý nhượng bán		(277)	(2.688)	(2.911)	-	(5.876)
Số tại 30/06/2025	8.280	50.454	24.856	20.569	1.956	106.115
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	13.177	13.820	14.012	1.816	42.825
Giá trị hao mòn						
Số tại 01/01/2025	(2.786)	(41.481)	(16.358)	(21.843)	(1.424)	(83.892)
Tăng do trích khấu hao trong kỳ	(166)	(2.450)	(688)	(488)	(36)	(3.828)
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	277	1.284	2.911	-	4.472
Điều chỉnh phân loại lại	-	5	-	391	(396)	-
Số tại 30/06/2025	(2.952)	(43.649)	(15.762)	(19.029)	(1.856)	(83.248)
Giá trị còn lại						
Số tại 01/01/2025	5.494	9.206	7.391	1.125	426	23.642
Số tại 30/06/2025	5.328	6.805	9.094	1.540	100	22.867

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số tại 01/01/2025	18.244	72.018	8.812	99.074
Thanh lý nhượng bán	-	-	(30)	(30)
Số tại 30/06/2025	18.244	72.018	8.782	99.044
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	20.748	440	21.188
Giá trị hao mòn				
Số tại 01/01/2025	-	(54.250)	(3.157)	(57.407)
Thanh lý nhượng bán	-	-	30	30
Tăng do trích khấu hao trong kỳ	-	(3.429)	(877)	(4.306)
Số tại 30/06/2025	-	(57.679)	(4.004)	(61.683)
Giá trị còn lại				
Số tại 01/01/2025	18.244	17.768	5.655	41.667
Số tại 30/06/2025	18.244	14.339	4.778	37.361

11 Tài sản có khác

11.1 Các khoản phải thu

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản phải thu nội bộ	34.514	3.235
Các khoản phải thu bên ngoài	1.371.696	1.955.478
Mua sắm tài sản cố định	335	1
Các khoản ký quỹ, thế chấp, cầm cố:	1.267.126	1.682.678
- Đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ, Giấy tờ có giá do Tổ chức tín dụng phát hành	460.000	800.000
- Đặt cọc đầu tư, mua trụ sở văn phòng tại Hà Nội và Hồ Chí Minh(*)	800.000	880.000
- Ký cược, ký quỹ khác	7.126	2.678
Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán	560	560
Các khoản phải thu khác:	103.675	272.239
- Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	11.969	11.969
- Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	15.947	15.947
- Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	16.824	17.824
- Phải thu đối tác trả chậm ủy thác đầu tư	1.406	1.406
- Phải thu các khoản thu hộ, chi hộ	27.832	51.438
- Phải thu tiền trả lãi đối tác nước ngoài chưa đến hạn thanh toán	-	144.398
- Phải thu khác	29.697	29.257
Cộng	1.406.210	1.958.713

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(*) Khoản đặt cọc mua trụ sở văn phòng theo Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và đối tác nhằm thực hiện chủ trương đầu tư, mua trụ sở tòa nhà Văn phòng EVNFinance tại Thành Phố Hà Nội và Hồ Chí Minh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2024.

11.2 Các khoản phải lãi, phí phải thu

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Lãi tiền gửi chưa thu được	16.352	11.446
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	8.575	7.505
Lãi cho vay chưa thu được	1.100.900	1.386.093
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	1.836	3.375
Phí phải thu khác	13.262	14.189
Cộng	1.140.925	1.422.608

11.3 Tài sản có khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Chi phí chờ phân bổ	63.634	70.513
Công cụ, dụng cụ	25	25
Cộng	63.659	70.538

11.4 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

Chi tiết dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Dự phòng phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	15.947	15.947
Dự phòng các khoản hợp tác đầu tư	16.824	17.824
Dự phòng khoản trả chậm ủy thác đầu tư	1.406	1.406
Dự phòng Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	11.969	11.969
Dự phòng khác	14.128	14.278
Cộng	60.274	61.424

Tình hình biến động dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	61.424	190.698
Số dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	(1.150)	(129.284)
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	60.274	61.414

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

12 Tiền gửi và vay các TCTD khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	5.463.000	3.870.200
Tiền gửi có kỳ hạn	5.463.000	3.870.200
- Bằng VND	5.209.200	3.623.550
- Bằng ngoại tệ	253.800	246.650
Vay các TCTD khác	6.081.210	7.864.093
Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam	4.507.650	6.828.163
- Bằng VND	2.160.000	4.300.000
- Bằng ngoại tệ	2.347.650	2.528.163
Vay các TCTD nước ngoài	1.573.560	1.035.930
- Bằng ngoại tệ	1.573.560	1.035.930
Cộng	11.544.210	11.734.293

13 Tiền gửi của khách hàng

13.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi không kỳ hạn	3.764	2.023
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	3.764	2.023
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	13.306.935	10.208.593
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	13.306.935	10.208.593
Tiền gửi ký quỹ	22	107
- Tiền ký quỹ bằng VND	22	107
Cộng	13.310.721	10.210.723

13.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	310.000	220.000
Công ty TNHH khác	537.037	15.966
Công ty cổ phần khác	11.763.273	9.464.703
Tiền gửi của các đối tượng khác	700.411	510.054
Cộng	13.310.721	10.210.723

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

14 Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(khoản nợ) tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá trên hợp đồng) triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)	Tài sản triệu đồng	Nợ phải trả triệu đồng	Giá trị thuần triệu đồng
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ					
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	16.724.486	34.373	(156.713)	(122.340)	
	16.724.486	34.373	(156.713)	(122.340)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ					
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.377.061	42.631	(207.348)	(164.717)	
	18.377.061	42.631	(207.348)	(164.717)	

15 Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	-	431.377
Vốn nhận lãi lợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	7.659.776	8.156.297
Cộng	7.659.776	8.587.674

16 Phát hành giấy tờ có giá

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
Mệnh giá	24.655.000	16.831.000
Trái phiếu		
Mệnh giá	1.620.000	1.725.000
Cộng	26.275.000	18.556.000

Chi tiết kỳ hạn của chứng chỉ tiền gửi phát hành tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
Dưới 12 tháng	6.125.000	5.861.000
Bằng VND	6.125.000	5.861.000
Từ 12 tháng đến 5 năm	18.530.000	10.970.000
Bằng VND	18.530.000	10.970.000
Trái phiếu		
Trên 5 năm	1.620.000	1.725.000
Bằng VND	1.620.000	1.725.000
Cộng	26.275.000	18.556.000

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

17 Các khoản lãi, phí phải trả

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Lãi phải trả cho tiền gửi	197.939	137.095
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	527.457	569.855
Lãi phải trả cho tiền vay	63.252	189.455
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	117.217	137.017
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	471	2.690
Phí phải trả khác	-	54
Cộng	906.336	1.036.166

18 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản phải trả nội bộ	61.339	49.757
Phải trả cho nhân viên	14.090	22.335
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	47.249	27.422
Các khoản phải trả bên ngoài	211.660	252.043
Các khoản phải trả, phải nộp NSNN (Xem thuyết minh V.19)	107.796	139.193
Cổ tức phải trả	20.562	21.033
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ tín dụng	71.139	75.603
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ đầu tư	3.127	3.060
Chi phí trích trước	276	267
Phải trả Nhà cung cấp	6.415	10.252
Phải trả cho các đối tác thu hộ, chi hộ	798	430
Các khoản phải trả khác	1.547	2.205
Cộng	272.999	301.800

19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/06/2025
Thuế GTGT hàng bán nội địa	106	149	(237)	18
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	132.643	115.700	(142.643)	105.700
Các loại thuế khác	6.444	23.499	(27.865)	2.078
Cộng	139.193	139.348	(170.745)	107.796

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	598.124	310.687
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(794)	1.712
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong kỳ này	(21.194)	97
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ	19.471	-
- Chi phí không được trừ	929	1.615
Thu nhập chịu thuế	597.330	312.399
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(18.830)	(5.577)
Thu nhập tính thuế	578.500	306.822
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông từ hoạt động kinh doanh	115.700	61.364
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ trước	-	310
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	115.700	61.674

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20 Vốn và các quỹ của Công ty

20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2024	7.042.483	350.562	29.991	241.248	159.644	629.962	2.328	-	8.456.218
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	249.013	-	-	249.013
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	32.838	16.419	(59.109)	-	-	(9.852)
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo	-	-	-	-	-	-	-	(7.482)	(7.482)
Số dư tại 30/06/2024	7.042.483	350.562	29.991	274.086	176.063	819.866	2.328	(7.482)	8.705.231
Số dư tại 01/01/2025	7.605.658	350.562	29.991	274.086	176.063	568.500	2.328	-	9.007.188
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	482.424	-	-	482.424
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	56.082	28.041	(109.360)	-	-	(25.237)
Số dư tại 30/06/2025	7.605.658	350.562	29.991	330.168	204.104	941.564	2.328	-	9.464.375

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20.2 Quỹ của Công ty

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	29.991	29.991
Quỹ dự phòng tài chính	330.168	274.086
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	204.104	176.063
Cộng	564.263	480.140

20.3 Cổ phiếu

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	30/06/2025 cổ phiếu	31/12/2024 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	760.565.802	760.565.802
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu phổ thông	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu phổ thông	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

20.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	482.424	249.013
Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(21.709)	(11.206)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	460.715	237.807
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng (cổ phiếu) (**)	760.565.802	704.248.289
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	606	338
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	606	338

(*) Tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi được lấy tương đương theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm tính bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-TCĐL ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông được xác định như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	760.565.802	704.248.289

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 được trình bày lại như sau:

	<u>Trước điều chỉnh</u>	<u>Sau điều chỉnh</u>
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	249.013	249.013
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng)	(7.470)	(11.206)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	241.543	237.807
Số cổ phiếu bình quân để tính lãi (cổ phiếu)	704.248.289	704.248.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	343	338

20.5 Chi tiết vốn đầu tư

	<u>30/06/2025</u>			<u>31/12/2024</u>		
	<u>Tổng số</u>	<u>Vốn CP</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Tổng số</u>	<u>Vốn CP</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>%</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>%</u>
Tổ chức	323.118	323.118	4%	606.939	1.227.679	17%
Cá nhân	7.282.540	7.282.540	96%	6.998.719	5.814.804	83%
	7.605.658	7.605.658	100%	7.605.658	7.042.483	100%

20.6 Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

20.7 Các quỹ

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 7 tháng 8 năm 2017, các tổ chức tín dụng phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	<u>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	-

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

	Tỷ lệ trích %	Số tiền triệu đồng
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	28.041
Quỹ dự phòng tài chính	10%	56.083
Quỹ khen thưởng	1,5%	8.412
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	1,5%	8.412
Quỹ phúc lợi	1,5%	8.412
Cộng		109.360

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị: Triệu VND

1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập lãi tiền gửi	130.942	65.138
Thu nhập từ lãi cho vay khách hàng	2.359.955	2.086.334
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	14.752	19.284
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	252	5.801
Thu khác từ hoạt động tín dụng	4.779	259
Cộng	2.510.680	2.176.816

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi tiền gửi	421.164	170.167
Chi phí lãi tiền vay	315.727	289.774
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	712.753	749.651
Chi phí hoạt động tín dụng khác	249.194	206.503
Cộng	1.698.838	1.416.095

3. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	33.305	53.474
Thu từ nghiệp vụ ủy thác, đại lý	-	72
Thu từ nghiệp vụ môi giới bảo hiểm	150	566
Thu khác từ phí dịch vụ quản lý khoản vay	33.155	52.836
Chi phí hoạt động dịch vụ	(9.067)	(8.572)
Chi về dịch vụ thanh toán	(1.458)	(1.431)
Chi phí hoa hồng môi giới	(36)	(123)
Chi về dịch vụ khác	(7.573)	(7.018)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	24.238	44.902

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	51.218	61.509
Thu về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	48.202	3.295
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.016	58.214
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	(67.133)	(88.451)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(53.757)	(1.341)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(13.376)	(87.110)
Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối	(15.915)	(26.942)

5. Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	16.799	7.219
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(6.005)	-
Trích lập dự phòng chứng khoán kinh doanh	(18)	-
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10.776	7.219

6. Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	154.504	12.284
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(444)	(944)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(11.843)	(25.727)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	142.217	(14.387)

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	18.830	5.577

8. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ hoạt động khác	16.538	35.879
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	12.636	32.472
Thu nhập khác	3.902	3.407
Chi phí từ hoạt động khác	(1.369)	(318)
Chi phí khác	(1.369)	(318)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	15.169	35.561

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. Chi phí hoạt động

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	726	843
Chi phí cho nhân viên	71.398	54.687
- Chi lương và phụ cấp	63.540	47.043
- Các khoản chi đóng góp theo lương	5.656	5.537
- Các khoản chi khác	2.156	71
- Các khoản chi trợ cấp	46	2.036
Chi về tài sản	21.597	19.450
- Chi khấu hao tài sản cố định	8.134	7.920
- Chi khác về tài sản	13.463	11.530
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	27.559	21.668
- Công tác phí	1.699	2.163
- Chi cho hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng	316	275
- Chi phí khác	25.544	19.230
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	(2.270)	39.401
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro tài sản có khác	(1.150)	(129.284)
Cộng	117.860	6.765

10. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (xem thuyết minh số V.7)	(291.173)	(495.199)
Cộng	(291.173)	(495.199)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

VII. Đơn vị: Triệu VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	6.949	4.360
Tiền gửi tại NHNN	14.465	497.213
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	803.875	1.199.962
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	9.763.001	3.691.763
Cộng	10.588.290	5.393.298

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

1. Tình hình thu nhập của cán bộ, nhân viên

	Kỳ này	Kỳ trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	281	302
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	49.617	46.352
2. Tiền thưởng	2.700	2.992
3. Thu nhập khác	1.564	1.606
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	53.881	50.950
5. Tiền lương bình quân tháng/người (triệu VND)	29,43	25,58
6. Thu nhập bình quân tháng/người (triệu VND)	31,96	28,12

2. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Bất động sản, Quyền tài sản và Bất động sản hình thành trong tương lai	82.355.052	84.985.016
Giấy tờ có giá	19.724.421	16.496.943
Tài sản khác	109.034.297	94.700.580
Cộng	211.113.770	196.182.539

Tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng có giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên được định giá độc lập bởi các công ty thẩm định giá theo danh sách Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt hàng năm.

3. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Công ty ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Công ty khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Công ty cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu,... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng; các loại bảo lãnh khác có mức độ rủi ro thấp hơn.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Cam kết bảo lãnh	32.093	34.330
Cam kết bảo lãnh thanh toán	6.464	6.465
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	25.498	25.426
Cam kết bảo lãnh khác	131	2.439

4. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	315.732	218.937
Lãi chứng khoán chưa thu được	29.722	29.722
Phí phải thu chưa thu được	31.473	39.411
Cộng	376.927	288.070

5. Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.360.064	1.370.821
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.509.247	1.466.950
Cộng	2.869.311	2.837.771

6. Tài sản và chứng có giá khác

	Tại 30/06/2025	Tại 31/12/2024
Tài sản khác giữ hộ	2.763.457	3.042.974
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	9.350	-
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	1.954.247	1.015.226
Cộng	4.727.054	4.058.200

7. Giao dịch với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan khác

Chi tiết số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2025	31/12/2024
CTCP Amya Holding (*)	Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Nguyễn Trung Thành) là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Amya Holding	Cho vay khách hàng	(*)	316.206
		Phải thu lãi vay	(*)	1.164

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
CTCP Amya Holding (*)	Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Nguyễn Trung Thành) là Phó chủ tịch HĐQT của Công ty CP Amya Holding	Thu nhập lãi	8.248	21.221

(*) Từ ngày 05/04/2025, Công ty cổ phần Amya Holdings không còn là bên liên quan do Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần Amya Holdings là ông Nguyễn Trung Thành không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác, tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này triệu đồng	Kỳ trước triệu đồng
Thù lao của Hội đồng Quản trị	2.328	1.680
Tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác	5.160	4.866
Tiền lương/ thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	1.162	992
	8.650	7.538

8. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi tại các TCTD	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phải sinh (Tổng giá trị hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	52.777.867	10.581.341	32.093	16.724.486	2.659.767
	52.777.867	10.581.341	32.093	16.724.486	2.659.767

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty và được kiểm soát thông qua các quy trình, quy định nội bộ và hoạt động kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào mức độ rủi ro. Quy trình kiểm soát rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro hoạt động. Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Công ty.

9.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động của công ty tài chính do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản lý rủi ro tín dụng Công ty sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Công ty đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Công ty tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Công ty có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

9.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Công ty sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản, nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Công ty quản lý rủi ro này chủ yếu bằng cách quản lý mức chênh lệch cảm với lãi suất và quản lý lợi nhuận trong suốt thời hạn hợp đồng.

Bảng dưới đây trình bày thời gian thay đổi lãi suất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng
			Đến 1 tháng	Từ 1-3	Từ 3-6	Từ 6-12	Từ 1-5	
				tháng	tháng	tháng	tháng	
Tại 30/06/2025								
Tài sản								
Tiền mặt	-	6.949	-	-	-	-	-	6.949
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.465	-	-	-	-	14.465
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.965.275	2.601.601	-	-	-	10.566.876
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	309.358	-	-	309.358
Cho vay khách hàng (*)	2.100.251	-	30.490.145	3.325.073	6.948.435	6.272.324	341.157	52.777.867
Chứng khoán đầu tư (*)	-	758.009	-	-	-	1.000.000	166.121	2.120.129
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	1.831.987	-	-	-	-	-	1.831.987
Tài sản cố định	-	60.228	-	-	-	-	-	60.228
Các tài sản Có khác (*)	205.076	2.405.718	-	-	-	-	-	2.610.794
Tổng tài sản	2.305.327	5.062.891	38.469.885	5.926.674	7.257.793	7.272.324	507.278	70.528.933
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.100.000	3.739.310	2.349.700	1.847.600	507.600	11.544.210
Tiền gửi khách hàng	-	3.785	1.490.935	5.064.202	4.500.361	1.625.941	625.497	13.310.721
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	125.276	(2.936)	-	-	-	122.340
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	50.760	126.900	126.900	4.068.750	7.659.776
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	869.000	3.004.000	5.452.000	14.903.000	427.000	26.275.000
Các khoản nợ khác	-	1.179.335	-	-	-	-	-	1.179.335
Tổng nợ phải trả	-	1.183.120	5.585.211	11.855.336	12.428.961	18.503.441	5.628.847	60.091.382

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9.3. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các ngoại tệ. Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
USD	25.380	24.665
EUR	30.741	26.661
GBP	35.772	31.958
JPY	180,5	162
AUD	17.039,5	15.840
CNY	3.638,5	-

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại thời điểm kết thúc cuối kỳ kế toán như sau:

	Đơn vị: Triệu VND			
Tại 30/06/2025	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt	145	123	-	268
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	26	-	-	26
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.984.118	5.267	2.291	1.991.676
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	7.271.053	-	-	7.271.053
Cho vay khách hàng (*)	3.175.011	-	-	3.175.011
Tài sản Có khác (*)	92.109	2	2.469	94.580
Tổng tài sản	12.522.462	5.392	4.760	12.532.614
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	4.175.010	-	-	4.175.010
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	7.659.776	-	-	7.659.776
Các khoản nợ khác	133.039	-	-	133.039
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	11.967.825	-	-	11.967.825
Trạng thái tiền tệ nội bảng	554.637	5.392	4.760	564.789
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	554.637	5.392	4.760	564.789

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9.4. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Công ty phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Công ty. Đồng thời, Công ty có chính sách linh hoạt để quản lý tính thanh khoản của tài sản, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Công ty cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Công ty cũng thực hiện phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả để quản lý thanh khoản.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán. Do đó, thời gian đến hạn được xếp loại đến một (1) tháng;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xếp loại dựa trên thời gian sử dụng hữu ích còn lại và giá trị còn lại ước tính; và
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản có khác, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác và các khoản nợ khác được xác định dựa vào thời hạn đến hạn của các tài sản và công nợ.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Công ty theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày báo hạn:

Đơn vị: Triệu VND

	Quá hạn		Trong hạn			
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 12 tháng	Tổng
Tại 30/06/2025						
Đến 3 tháng						
Tài sản						
Tiền mặt	-	-	6.949	-	-	6.949
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.465	-	-	14.465
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	7.965.275	2.601.601	-	10.566.876
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	309.358	230.280
Cho vay khách hàng (*)	186.676	1.913.575	1.529.343	6.954.742	19.830.827	3.322.121
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	758.009	-	1.000.000	195.999
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	1.831.987
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	60.228
Tài sản Có khác (*)	60.331	144.745	892.864	260.439	658.804	155.260
Tổng tài sản	247.007	2.058.320	11.166.905	9.816.782	21.798.989	5.795.875
Nợ phải trả						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.100.000	3.739.310	4.197.300	507.600
Tiền gửi của khách hàng	-	-	1.494.721	5.064.202	6.126.301	625.497
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	125.276	(2.936)	-	-
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	50.760	253.800	3.286.466
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	869.000	3.004.000	20.355.000	1.620.000
Các khoản nợ khác	-	-	788.902	113.743	104.726	113.492
Tổng nợ phải trả	-	-	6.377.899	11.969.079	31.037.127	5.019.958
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	247.007	2.058.320	4.789.006	(2.152.297)	(9.238.138)	775.917
						10.437.551

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

Đơn vị: Triệu VND
Giá trị hợp lý

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ				Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Cộng	Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Sẵn sàng để bán	Cho vay và phải thu			
Tại 30/06/2025							
Tiền mặt	6.949	-	-	-	-	6.949	6.949
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	14.465	-	14.465	14.465
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	10.566.876	-	10.566.876	(**)
Chứng khoán kinh doanh (*)	539.638	-	-	-	-	539.638	539.638
Cho vay khách hàng (*)	-	-	-	52.777.867	-	52.777.867	(**)
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	2.120.129	-	-	2.120.129	(**)
Đầu tư dài hạn khác (*)	-	-	1.831.987	-	-	1.831.987	(**)
Các khoản phải thu (*)	-	-	-	1.370.801	-	1.370.801	(**)
Các khoản lãi, phí phải thu (*)	-	-	-	1.140.925	-	1.140.925	(**)
Tổng tài sản	546.587	-	3.952.116	65.870.934	-	70.369.637	
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	11.544.210	11.544.210	(**)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	13.310.721	13.310.721	(**)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	122.340	122.340	(**)
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	7.659.776	7.659.776	(**)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	26.275.000	26.275.000	(**)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	1.010.200	1.010.200	(**)
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	59.922.247	59.922.247	

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có thời hạn ngắn.
- (**) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

11. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

12. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Tuấn Đạt

Tống Nhật Linh

MAI DANH HIỀN